Điều 2. Giao cho UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2006-2010.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân, các thành viên HĐND có kế hoạch giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 6, Hội đồng nhân dân huyện khoá 9 nhiệm kỳ 2004-2009, thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Đinh Văn Siêng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN MINH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2006/NQ-HĐNDK9	*Minh Long, ngày 14 tháng 7 năm 2006*

NGHỊ QUYẾT
Về việc xác định vị trí và thực hiện dự án mở rộng khu dân cư và các tuyến đường ở khu vực phía Bắc trung tâm huyện lỵ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG KHOÁ IX NHIỆM KỲ 2004 – 2009 KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét báo cáo và Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 07/7/2006 của UBND huyện về việc xin xác định vị trí và thực hiện dự án mở rộng khu dân cư và các tuyến đường ở khu vực phía Bắc trung tâm huyện lỵ, Báo cáo của các Ban HĐND, ý kiến của Đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình của UBND huyện về việc xác định vị trí và thực hiện dự án mở rộng khu dân cư và các tuyến đường ở khu vực phía Bắc trung tâm huyện lỵ.

Dự án mở rộng khu dân cư và các tuyến đường ở khu vực phía Bắc trung tâm huyện lỵ gồm những nội dung chủ yếu như sau:

I/ Mở rộng khu dân cư và xây dựng các tuyến đường

1/ Các tuyến đường: (giai đoạn 1):

1.1/ Tuyến: Suối Tía - thôn 3, dài L = 260m.

Điểm đầu: Giáp đường tỉnh 624 (Quảng Ngãi - Minh Long).

Điểm cuối: thuộc thôn 3 xã Long Hiệp.

Tuyến này khi xây dựng những đoạn xung yếu, dễ xói lở được gia cố mái taluy kiên cố, chống xói lở và nước tràn vào khu dân cư.

1.2-/ Tuyến: Suối Tía - chợ Mới, dài L = 165 m.

Điểm đầu: Giáp tuyến Suối Tía - thôn 3.

Điểm cuối: Giáp đường nhựa trước chợ Mới.

1.3/ Tuyến: Suối Tía - UBND huyện, dài L = 130m.

Điểm đầu: Giáp tuyến Suối Tía - thôn 3.

Điểm cuối: Giáp đường nhựa đi về UBND huyện.

2-/ San nền làm khu dân cư:

- Diện tích: S = 9.000m^2.

- Vị trí: Gồm 4 vị trí nằm về phía Tây (phía phải tuyến đường: Suối Tía - thôn 3, L = 260m).

3-/ Chủ đầu tư: Giao cho UBND xã Long Hiệp làm chủ đầu tư, (dự án san nền làm khu dân cư và các tuyến đường).

4-/ Quy mô dự án: Do chủ đầu tư thuê tư vấn thiết kế lập, trình các cơ quan chức năng thẩm định để UBND huyện phê duyệt.

5-/ Nguồn vốn và thời gian thực hiện:

+ Nguồn vốn thực hiện: nguồn thu từ quỹ đất và ngân sách huyện bổ sung.

+ Thời gian thực hiện dự án : năm 2006 - 2007

Điều 2. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND, các thành viên HĐND có kế hoạch giám sát kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả.

Nghị quyết này đã được kỳ họp thứ 6 HĐND huyện, khoá IX, nhiệm kỳ 2004 – 2009 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Đinh Văn Siêng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2006/NQ-HĐNDK9	*Minh Long, ngày 14 tháng 7 năm 2006*

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn chương trình phát triển kinh tế nông – lâm nghiệp huyện Minh Long giai đoạn 2006 – 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MINH LONG KHOÁ IX NHIỆM KỲ 2004 – 2009 KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 04/7/2006 của UBND huyện về chương trình phát triển kinh tế nông - lâm - nghiệp huyện Minh Long giai đoạn 2006 – 2010, Báo cáo của các Ban HĐND, ý kiến của Đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành báo cáo của UBND huyện về chương trình phát triển kinh tế nông – lâm nghiệp huyện Minh Long giai đoạn 2006 – 2010 và báo cáo các cơ quan chức năng.

A/ Những kết quả chủ yếu đạt được về sản xuất nông – lâm nghiệp giai đoạn 2001 – 2005

1/ Những kết quả chủ yếu:

Biểu tổng hợp kết quả sản xuất nông - lâm nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt

Biểu 1 ĐVT: Tấn

CHỈ TIÊU	2001	2002	2003	2004	2005
Lúa cả năm	3.998,00	4.014,6	4.105,7	4.153	4.620,5
Ngô cả năm	50,37	70,6	55,4	66,6	85,2
Khoai lang cả năm	49,10	77,6	66,3	84,0	77,0
Mỳ cả năm	5.801,50	6.872,0	7.093,0	7.628,0	8.476,0
Lạc cả năm	20,25	24,4	24,5	28,4	27,5
Mía cả năm	716,60	1.089,0	247,5	180,0	180,0

Biểu tổng hợp ngành chăn nuôi

Biểu 2 ĐVT: con

CHỈ TIÊU	2001	2002	2003	2004	2005
Đàn trâu	3.625	3.470	3.616	3.092	4.032
Đàn bò	1.310	908	1.128	1.371	1.718
Đàn lợn	4.512	4.560	4.944	5.092	5.115
Đàn dê					150
Đàn cá (tấn)	5	5,2	5,4	13	13,5

Biểu tổng hợp kết quả sản xuất ngành Lâm nghiệp

Biểu 3 ĐVT: ha

CHỈ TIÊU	2001	2002	2003	2004	2005
Trồng rừng	810	50	327	550	550

2/ Đánh giá chung

2.1/ Thuận lợi:

Có sự lãnh của các cấp ủy và Nghị quyết HĐND huyện về phát triển kinh tế nông -lâm nghiệp, tạo điều kiện cho các địa phương, các đơn vị chủ động trong việc xây dựng kế hoạch phát triển trong lĩnh vực này.

Nhìn chung kinh tế nông - lâm nghiệp trong huyện giai đoạn 2001 - 2005 có những ưu điểm và tồn tại sau:

a/ Ưu điểm:

+ Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng ổn định qua các năm, bình quân đạt 3,056 %/ năm.

+ Cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp có bước chuyển dịch tích cực, giá trị chăn nuôi và dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong giá trị sản xuất nông nghiệp.

+ Cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày được đầu tư phát triển mạnh như: keo, mỳ cao sản, cây mây.....

+ Các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới được bà con nông dân ứng dụng trong trồng trọt và chăn nuôi nhất là việc đưa các giống lúa, mỳ mới vào sản xuất đại trà, tăng cường việc trồng cỏ nuôi bò và thực hiện sind hóa đàn bò, việc vỗ béo đàn trâu, bò ngày càng được quan tâm.